TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT

DANH SÁCH LỚP TIẾNG ANH NÂNG CAO 1 KHÓA 2012

LƯU Ý: ***LỚP TIẾNG ANH NÂNG CAO 1 SẼ HỌC TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2012-2013***

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	MSSV	NGÀNH	LỚP	MÔN HỌC
1	Nguyễn Lª Kim	Tuyến	050694	1254052194	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
2	Nguyễn Viễt	Thái	170994	1254040388	Kiểm toán	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
3	Tõ Huyền	Trang	050994	1254040485	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
4	Huúnh §Æng Thu	Trúc	031094	1254052188	Kiểm toán	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
5	Nguyễn Thþ Ngäc	Diệp	090694	1254042045	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
6	Nguyễn Thïy	Dung	281294	1254042048	Kiểm toán	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
7	Ng« Thþ Huyền	Trang	121094	1254052175	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
8	Nguyễn Hảng	Thủy	021294	1254042431	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
9	§µo Duy	Hưng	250594	1254040156	Kiểm toán	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
10	Vò Duy	Tùng	090394	1254010636	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
11	V¨n Thþ Th¶o	Huyền	181094	1254010189	Kỗ to¸n	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
12	Th¸i Thu	Hằng	210694	1254040108	Kiểm toán	KT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
13	Nguyễn H¶i	Châu	180194	1254012046	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
14	Nguyễn Thþ Viễt	Trinh	310594	1254022297	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
15	§inh Kim	Kim	180794	1254052073	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
16	Vò Thþ Mai	Thy	110394	1254010539	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
17	Phan Thþ Ngäc	Minh	060194	1254042248	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
18	Ph¹m Huúnh Thanh	Hùng	181294	1254010193	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
19	DiÔp Phèi	Quyên	200994	1254010420	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
20	§ßan L¹i V©n	Anh	150694	1254010007	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
21	Võ Phương	Ngân	200594	1254012693	Marketing	QT12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
22	Nguyễn Kh¾c	Chính	260494	1254010057	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
23	Ph¹m Nguyễn Minh	Thư	030894	1254010530	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
24	Trần Thị Tường	Vi	200594	1254010658	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
25	Nguyễn Hảng	Phú	040994	1254052124	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
26	Nguyễn TrÇn B¶o	Uyên	261194	1254010644	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
27	Huúnh Ngäc Tróc	Phương	151194	1254022188	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
28	Hµ Ngäc Nguyªn	Thảo	231193	1254052228	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	MSSV	NGÀNH	LỚP	MÔN HỌC
29	NguyÔn Phan Kh«i	Nguyên	061294	1254020158	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
30	Hoµi	Như	210194	1254040328	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
31	Phan Thþ B¶o	Ngọc	120593	1254012338	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
32	NguyÔn Kim Thi¹n	Tâm	090394	1254010446	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
33	§ç Thþ Th¶o	Trang	170194	1254062326	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
34	TrÇn Nguy¹n Hằng	Nhung	280794	1254012380	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
35	NguyÔn Thþ Thi¹n	Thanh	100194	1254010463	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
36	L¹ Phan Thu	Thảo	140894	1254012477	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
37	NguyÔn Hoµng B¶o	Ngân	260194	1254012319	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
38	Hoµng	Ngân	040694	1254012320	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
39	Vò Träng	Nguyên	251094	1254012349	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
40	L©m LÖ	Vân	140494	1254010650	Kinh doanh quốc tế	QT12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
41	Tr©m	Châu	031094	1254010048	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
42	NguyÔn Thanh	Trúc	040994	1254052224	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
43	TrÇn TiÕn	Tài	260994	1254010443	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
44	Lương Bửu	Dinh	070694	1254010070	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
45	Lương Gia	Huy	281094	1254010179	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
46	Ph¹m Thþ TuyÕt	Ngọc	011194	1254012340	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
47	TrÇn Thþ Ngäc	Duyên	160694	1254010083	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
48	Phan Thþ Uy¹n	Ly	240394	1254012276	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
49	NguyÔn C«ng	Thiện	220992	1254010493	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
50	TrÇn NguyÔn Ngäc	Tuyết	141191	1254030496	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
51	Cao Bá Phương	Trinh	300194	1254022295	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
52	Ph¹m L¹ Ngäc	Mai	110594	1254012280	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
53	Ph¹m Ngäc L¹	Minh	231294	1254012290	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
54	Nguyễn ái Phương	Trâm	030294	1254010576	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
55	Lâm Phương	Dung	090894	1254032051	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
56	NguyÔn Thþ Tho¹i	Phương	181294	1254032321	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
57	Hµ Ngäc	Chánh	070794	1254010045	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
58	Nguyễn Trường	Phước	270994	1254010408	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
59	NguyÔn Quang	Hiệp	190494	1254010160	Kinh doanh quốc tế	QT12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
60	Đặng Nguyễn Thảo	Nguyên	191294	1254052105	Tµi chÝnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
61	Phạm Hương	Trà	080694	1254030454	Tµi chÝnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
62	Vò Thþ BÝch	Ngọc	290593	1254040288	Tµi chÝnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
63	§oµn Thþ Hằng	Hạnh	011094	1254032090	Tµi chÝnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
64	Phương	Uyên	190694	1254020316	Tµi chÝnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	MSSV	NGÀNH	LỚP	MÔN HỌC
65	Cao Nguyôn Uyªn	Chi	080394	1254052022	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
66	Nguyôn TrÇn NhËt	Tân	011294	1254052223	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
67	Nguyễn Trần Nhật	Tân	011294	1254052223	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
68	Vâ §oµn Gia	Phụng	081094	1254030312	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
69	Nguyôn Thþ Thanh	Tâm	140294	1254032360	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
70	Phïng Ngäc §an	Thanh	061294	1254030368	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
71	Lê Nguyễn Như	Ngọc	081094	1254052104	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
72	Trần Thị Tường	Vân	290993	1254052225	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
73	Nguyôn Ng©n	Khánh	070194	1254032170	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
74	Ng« Mü	Yến	281093	1254030551	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
75	H¹ B¸	Công	210494	1254020012	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
76	Huúnh Thþ QuÕ	Châu	141293	1254030028	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
77	Nguyôn Thþ Kim	Ngân	240993	1254030248	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
78	Nguyôn Yõn	Nhi	020393	1254032277	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
79	Nguyôn Duy	Thái	160994	1254032373	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
80	Nguyễn Phương	Thảo	120494	1254030384	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
81	Trþnh Thþ Thanh	Hương	300694	1254030157	Tµi chİnh	TN12DB1	Tiếng Anh nâng cao 1
82	Kh¸nh	Ly	101094	1254030215	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
83	Bïi Thþ Thu	Hằng	150594	1254020064	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
84	Lª Thþ DiÔu	Thảo	291193	1254042394	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
85	Hồ Trần Như	Ngọc	281094	1254032256	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
86	Nguyễn Phương	Anh	260594	1254032010	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
87	V¨n Thþ Quúnh	Như	220994	1254030293	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
88	TrÇn Thþ Mai	Phương	290594	1254030325	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
89	TrÇn Thþ Thanh	Thanh	210894	1254030369	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
90	Th¹ch Tè	Như	180994	1254010383	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
91	§Æng TrÇn Anh	Tỷ	140594	1254062360	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
92	Vưu Thị Khánh	Thương	270894	1254030428	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
93	Lê Ngô Phương	Thảo	200893	1254030379	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
94	Lª Ngäc Tè	Uyên	281094	1254032505	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
95	Ph¹m Thþ Thanh	Loan	191294	1254032204	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
96	Nguyôn Thþ Kim	Thơ	291094	1254032410	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
97	M¹c Hoµng	Yến	220494	1254040581	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
98	Phan Ngäc Quúnh	Trang	240594	1254022285	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
99	Nguyôn Thþ Thanh	Thảo	250194	1254030387	Tµi chİnh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
100	Thanh	Tuyền	190294	1254032493	Ng©n hµng	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	MSSV	NGÀNH	LỚP	MÔN HỌC
101	NguyÔn §þnh	Khánh	261194	1254030169	Tµi ch¥nh	TN12DB2	Tiếng Anh nâng cao 1
102	Huỳnh Như	Hảo	210194	1254030088	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
103	TrÇn NhËt	Nguyên	180394	1254032268	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
104	NguyÔn Thanh	Trúc	040994	1254052224	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
105	Phan Ngäc Th¶o	Phương	300594	1254032322	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
106	NguyÔn Thþ Thu	Thủy	141194	1254030420	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
107	NguyÔn §×nh	Quang	131094	1254030333	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
108	Mai H÷u	Phúc	040694	1254020183	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
109	Bïi Thïy	Trang	080794	1254030441	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
110	Ngô Thùy	Trang	010194	1254030444	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
111	Lưu Đặng Phương	Dung	191294	1254030052	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
112	Lª Thñy	Thương	251294	1254030426	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
113	TrÇn Thþ Thanh	Hằng	190994	1254030100	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1
114	Bïi Ph¹m Thïy	Khang	130194	1254032163	Ng©n hµng	TN12DB3	Tiếng Anh nâng cao 1